

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T1	Lại Quý Nguyệt	Ánh	18/03/2005	x	9.00	G	T	11T3	
2	12T1	Lâm Bảo	Châu	30/04/2005	x	7.90	K	T	11T1	
3	12T1	Lê Trường	Danh	14/04/2005		7.40	K	T	11T1	
4	12T1	Trần Thảo	Dung	06/06/2005	x	8.50	G	T	11T1	
5	12T1	Nguyễn Quỳnh	Giao	02/06/2005	x	7.60	K	Tb	11T1	
6	12T1	Phan Gia	Hân	13/11/2005	x	8.50	G	T	11T1	
7	12T1	Vũ Thị Ngọc	Hân	21/10/2005	x	8.30	G	T	11T1	
8	12T1	Trịnh Anh	Hào	02/04/2005		8.20	K	Tb	11T1	
9	12T1	Nguyễn Vũ	Hiếu	26/08/2005		6.90	K	T	11X1	
10	12T1	Phạm Lê Tuấn	Hưng	05/09/2005		6.90	Tb	K	11T1	
11	12T1	Phạm Thu	Huyền	07/05/2005	x	8.50	G	T	11T1	
12	12T1	Nguyễn Hà Đăng	Khoa	23/02/2004		8.20	G	T	11T1	
13	12T1	Bùi Hoàng Tú	Linh	12/05/2005	x	7.60	K	T	11T1	
14	12T1	Nguyễn Phước	Lộc	19/09/2005		7.00	Tb	T	11T1	
15	12T1	Vũ Thành	Luân	08/03/2005		6.60	Tb	T	11T1	
16	12T1	Phạm Nguyễn Ngọc	Mai	10/04/2005	x	8.20	K	T	11T1	
17	12T1	Phạm Thị Yên	Mi	09/05/2005	x	7.90	K	K	11T1	
18	12T1	Nguyễn Đức Duy	Minh	26/05/2005		7.10	Tb	T	11X1	
19	12T1	Nguyễn Hoàng	Nam	17/02/2005		7.60	Tb	T	11T1	
20	12T1	Trương Thanh Thúy	Nga	02/05/2005	x	8.40	K	T	11T1	
21	12T1	Nguyễn Văn	Ngà	06/06/2005		7.40	K	T	11T1	
22	12T1	Võ Phương	Nghi	26/01/2005	x	8.40	G	T	11T1	
23	12T1	Hồ Phạm Bảo	Ngọc	04/05/2005	x	8.60	G	T	11T1	
24	12T1	Lê	Nguyễn	19/01/2005		8.20	K	T	11T1	
25	12T1	Hà Ánh	Như	29/05/2005	x	8.00	G	K	11T1	
26	12T1	Huỳnh Lê Minh	Nhựt	29/09/2005		8.70	G	T	11T1	
27	12T1	Nguyễn Quách Chấn	Oai	30/09/2005		9.10	G	T	11T1	
28	12T1	Nguyễn Tấn	Phát	17/09/2005		7.80	K	T	11T1	
29	12T1	Trần Công Hoàng	Phúc	31/05/2005		7.10	K	T	11T1	
30	12T1	Nguyễn Khánh Nam	Phương	06/12/2005	x	7.50	K	T	11T3	
31	12T1	Phan Văn	Quỳnh	01/05/2004		7.10	K	T	11T1	
32	12T1	Nguyễn Thanh	Tâm	16/11/2005	x	7.20	K	T	11X1	
33	12T1	Vũ Lê Thanh	Tâm	02/01/2005	x	8.30	G	T	11T1	
34	12T1	Hồ Hoàng	Tân	25/06/2005		7.00	K	K	11T1	
35	12T1	Ngô Quang	Thắng	09/07/2005		6.90	K	K	11T1	
36	12T1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/07/2005	x	7.90	K	T	11T1	
37	12T1	Vương Hoàng Gia	Thiên	19/08/2005		6.90	Tb	T	11X1	
38	12T1	Nguyễn Đức	Thịnh	12/07/2005		7.70	K	T	11T1	
39	12T1	Nguyễn Hoàng Khang	Thịnh	25/11/2005		8.40	G	T	11T1	
40	12T1	Trần Thái	Toàn	15/08/2005		8.30	G	T	11T1	
41	12T1	Bùi Trần Ngọc	Trường	27/10/2005		7.50	K	T	11T1	
42	12T1	Nguyễn Bá	Trường	26/11/2005		7.40	K	T	11T1	
43	12T1	Phan Quốc	Việt	19/10/2005		8.90	G	T	11T1	
44	12T1	Nguyễn Hồ Trúc	Vy	21/12/2005	x	8.80	G	T	11T1	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên	Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T2	Trần Phạm Tiến Ân	18/11/2005		7.30	K	T	11T2	
2	12T2	Trần Tử Quốc Ân	14/06/2005		8.70	G	T	11T2	
3	12T2	Dương Quốc Anh	08/08/2005		7.30	K	T	11T2	
4	12T2	Lê Phương Anh	11/11/2005	x	8.80	G	T	11T2	
5	12T2	Nguyễn Ngọc Tùng Anh	03/11/2005		8.50	G	T	11T2	
6	12T2	Lại Gia Bảo	29/10/2005		8.00	K	T	11T2	
7	12T2	Nguyễn Ngọc Châu	05/01/2005	x	8.40	G	T	11T2	
8	12T2	Trần Lăng Dũng	21/10/2005		7.20	K	T	11T2	
9	12T2	Đặng Hoàng Duy	16/09/2005		7.20	K	T	11T2	
10	12T2	Nguyễn Ngọc Hà Duyên	17/09/2005	x	8.40	G	T	11T2	
11	12T2	Lâm Hà Bảo Hân	21/12/2005	x	7.70	K	T	11T2	
12	12T2	Đỗ Ngọc Diệu Hiền	29/11/2005	x	7.60	K	T	11T2	
13	12T2	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/08/2005	x	8.40	G	T	11T2	
14	12T2	Vũ Trần Nguyên Khang	13/05/2005		8.40	G	T	11T2	
15	12T2	Nguyễn Gia Khánh	05/05/2005	x	7.80	K	T	11T2	
16	12T2	Nguyễn Thụy Gia Khánh	21/02/2005	x	8.60	G	T	11T2	
17	12T2	Phan Huy Khánh	29/07/2005		8.00	K	T	11T2	
18	12T2	Lê Sỹ Khôi	09/07/2005		7.80	K	T	11T2	
19	12T2	Phạm Duy Liêm	05/10/2005		8.40	G	T	11T2	
20	12T2	Nguyễn Ngọc Phương Linh	10/08/2005	x	7.20	K	K	11T2	
21	12T2	Phan Ngọc Thảo Ly	08/05/2005	x	7.70	K	T	11T2	
22	12T2	Nguyễn Đức Minh	20/06/2005		7.60	K	T	11T2	
23	12T2	Trần Văn Nam	08/09/2005		8.00	G	T	11T2	
24	12T2	Võ Hoàng Ngọc Ngân	01/01/2005	x	7.80	K	T	11T2	
25	12T2	Cao Ngọc Nhi	27/01/2005	x	7.80	K	T	11T2	
26	12T2	Nguyễn Hoài Quỳnh Như	17/11/2005	x	8.10	G	T	11T2	
27	12T2	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	22/06/2005	x	7.60	K	T	11T2	
28	12T2	Nguyễn Thanh Minh Như	26/04/2005	x	7.50	K	T	11T2	
29	12T2	Vũ Hồng Phúc	12/03/2005		8.00	K	T	11T2	
30	12T2	Vũ Nguyễn Hồng Quân	10/10/2005		8.10	K	T	11T2	
31	12T2	Nguyễn Khang Quốc	13/06/2005		7.80	K	T	11T2	
32	12T2	Nguyễn Hoàng Anh Quý	22/05/2005		7.90	K	T	11T2	
33	12T2	Nguyễn Như Quỳnh	05/11/2005	x	7.50	K	T	11T2	
34	12T2	Huỳnh Phát Tài	20/03/2005		8.10	K	T	11T2	
35	12T2	Nguyễn Trọng Tài	01/10/2005		8.20	G	T	11T2	
36	12T2	Đinh Thị Phương Thảo	19/01/2005	x	8.10	G	T	11T2	
37	12T2	Hồ Trần Ngọc Thiên	20/10/2005		7.10	K	Tb	11T2	
38	12T2	Nguyễn Văn Phú Thịnh	19/07/2005		8.20	K	T	11T2	
39	12T2	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	09/04/2005	x	8.40	K	T	11T2	
40	12T2	Lê Thanh Thúy	27/10/2005	x	7.70	K	T	11T2	
41	12T2	Nguyễn Thị Minh Thùy	08/10/2005	x	7.60	K	T	11T2	
42	12T2	Huỳnh Quang Trung	05/11/2005		8.70	G	T	11T2	
43	12T2	Đặng Vũ Tùng	10/08/2005		8.50	K	T	11T2	
44	12T2	Hà Đức Tùng	20/09/2005		7.00	Tb	Tb	11T2	
45	12T2	Lê Nguyên Vũ	25/04/2005		8.20	K	T	11T2	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T3	Nguyễn Hải	An	08/08/2005		9.40	G	T	11T3	
2	12T3	Lê Minh	Anh	17/10/2005	x	7.30	K	T	11T1	
3	12T3	Võ Thụy Vân	Anh	14/01/2005	x	7.90	K	T	11T3	
4	12T3	Trịnh Phát	Đạt	26/07/2005		7.50	K	T	11T3	
5	12T3	Trần Xuân	Đông	23/10/2005		6.40	Tb	T	11T2	
6	12T3	Lê Thị	Dương	07/10/2005	x	7.40	K	T	11T3	
7	12T3	Huỳnh Công	Duy	09/09/2005		7.10	Tb	T	11T6	
8	12T3	Nguyễn Lê Thùy	Duyên	22/04/2005	x	8.50	K	T	11T3	
9	12T3	Đinh Nguyễn Gia	Hân	23/11/2005	x	7.00	K	T	11T6	
10	12T3	Từ Nguyễn Hoàng	Hiên	30/11/2005		6.10	Tb	T	11T6	
11	12T3	Nguyễn Trường	Hiếu	30/06/2005		7.80	K	T	11T3	
12	12T3	Trần Quốc	Huân	13/11/2005		7.70	K	T	11T3	
13	12T3	Nguyễn Phạm Gia	Huy	23/06/2005		7.80	K	T	11T3	
14	12T3	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	11/07/2005		8.40	G	T	11T3	
15	12T3	Lê Phạm Anh	Khoa	27/09/2005		8.20	K	T	11T3	
16	12T3	Nguyễn Phan Anh	Kiệt	03/06/2005		7.60	K	T	11T3	
17	12T3	Nguyễn Hoàng	Luân	07/09/2005		7.50	K	T	11T3	
18	12T3	Ngô Hoàng Thảo	My	05/09/2005	x	6.60	Tb	T	11T5	
19	12T3	Nguyễn Hoài	Nam	20/04/2005		8.30	K	T	11T3	
20	12T3	Vũ Anh	Ngọc	02/05/2005	x	7.50	K	T	11T3	
21	12T3	Hoàng Tuấn	Nguyễn	15/11/2005		7.30	K	T	11T6	
22	12T3	Nguyễn Ngọc Khôi	Nguyễn	08/07/2005		6.50	Tb	K	11T1	
23	12T3	Nguyễn Thành	Nhân	07/01/2005		8.70	G	T	11T3	
24	12T3	Lê Huệ	Nhi	14/10/2005	x	6.80	Tb	T	11T6	
25	12T3	Hoàng Đình	Phúc	22/09/2005		6.40	Tb	K	11T6	
26	12T3	Vũ Tiên	Phúc	02/06/2005		7.70	K	T	11T3	
27	12T3	Nguyễn Khánh Nam	Phương	13/03/2005	x	8.20	K	T	11T3	
28	12T3	Khiếu Hoàng Thiên	Phượng	14/05/2005	x	8.90	G	T	11T3	
29	12T3	Trần Tân	Tài	14/03/2005		7.50	K	T	11T3	
30	12T3	Hồ Ngọc Nhựt	Tân	17/04/2005		6.90	Tb	T	11T6	
31	12T3	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thanh	08/01/2005	x	8.40	G	T	11T3	
32	12T3	Nguyễn Văn	Thiện	18/05/2005		7.90	K	T	11T3	
33	12T3	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	24/08/2005	x	7.90	K	K	11T3	
34	12T3	Nguyễn Vũ Ngọc	Thương	27/01/2005	x	7.90	K	T	11T3	
35	12T3	Đỗ Anh	Thường	24/09/2005		8.10	G	T	11T3	
36	12T3	Lê Thanh	Toàn	14/11/2005		6.70	K	T	11T4	
37	12T3	Trần Minh	Trí	21/12/2005		7.40	K	T	11T6	
38	12T3	Lê Nguyễn Đông	Trúc	01/12/2005	x	8.40	G	T	11T3	
39	12T3	Trần Đức	Trung	21/01/2005		6.80	Tb	T	11T6	
40	12T3	Nguyễn Trương Công	Tuân	11/10/2005		7.60	K	T	11T3	
41	12T3	Huỳnh Thị Cẩm	Tuyền	28/05/2005	x	7.70	K	T	11T3	
42	12T3	Nguyễn Thanh	Vân	04/06/2005	x	6.90	Tb	T	11T6	
43	12T3	Lã Tuấn	Việt	10/05/2005		6.30	Tb	T	11T6	
44	12T3	Bùi Anh	Vũ	12/12/2005		8.00	K	T	11T3	
45	12T3	Trương Ngọc Như	Ỡ	24/12/2005	x	8.80	G	T	11T3	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T4	Nguyễn Phương	An	10/09/2005	x	8.40	G	T	11T4	
2	12T4	Nguyễn Trọng	Ân	21/10/2005		6.70	Tb	T	11T5	
3	12T4	Hồng Quốc	Bảo	24/05/2005		6.90	Tb	T	11T6	
4	12T4	Phạm Chí	Cường	23/06/2005		7.80	K	T	11T4	
5	12T4	Tô Hoàng	Đăng	12/07/2005		6.50	Tb	K	11T2	
6	12T4	Tô Thành	Đạt	17/12/2005		8.10	K	T	11T4	
7	12T4	Lê Hoàng	Duy	05/10/2005		6.20	Tb	Tb	11T1	
8	12T4	Diệp Thị Kiều	Giang	01/04/2005	x	8.00	K	T	11T4	
9	12T4	Đỗ Quỳnh	Giang	07/03/2005	x	8.20	G	T	11T4	
10	12T4	Nguyễn Tấn	Hải	31/07/2005		6.10	Tb	T	11T6	
11	12T4	Phạm Ngọc	Hân	06/02/2005	x	8.40	G	T	11T4	
12	12T4	Nguyễn Nhật	Hào	12/04/2005		7.40	K	T	11T4	
13	12T4	Trần Gia	Hào	25/06/2005		6.80	Tb	K	11T4	
14	12T4	Nguyễn Bá	Hiệp	09/02/2005		7.60	K	K	11T4	
15	12T4	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	26/12/2005		7.70	K	T	11T4	
16	12T4	Vũ Thị Thu	Hương	28/10/2005	x	7.60	K	T	11T4	
17	12T4	Nguyễn Gia	Huy	29/11/2005		7.30	K	T	11T4	
18	12T4	Phan Gia	Huy	12/01/2005		6.70	Tb	T	11T6	
19	12T4	Phùng Hữu	Khang	24/01/2005		7.40	K	Tb	11T4	
20	12T4	Nguyễn Văn	Khanh	08/06/2004		5.90	Tb	T	11T6	
21	12T4	Lê Tuấn	Khoa	27/04/2005		8.10	G	T	11T4	
22	12T4	Đinh Vũ	Lâm	17/08/2005		7.30	K	T	11T3	
23	12T4	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	21/08/2005	x	6.60	Tb	T	11T5	
24	12T4	Trần Ngọc	Phú	02/12/2005		7.30	K	T	11T6	
25	12T4	Trần Quang	Phúc	05/11/2005		7.80	K	T	11T4	
26	12T4	Nguyễn Thị Bích	Phượng	07/10/2005	x	8.70	G	T	11T4	
27	12T4	Nguyễn Hoàng	Quân	22/03/2005		6.40	Tb	K	11T6	
28	12T4	Trang Hoàng	Quân	21/04/2005		7.60	K	T	11T4	
29	12T4	Nguyễn Nhật Duy	Quang	18/02/2005		7.30	K	T	11T4	
30	12T4	Nguyễn Ngọc Duy	Quyên	12/08/2005	x	8.40	G	T	11T4	
31	12T4	Vũ Hoàng	Quyên	02/03/2005	x	6.40	Tb	K	11T5	
32	12T4	Nguyễn Trung	Thắng	20/09/2005		7.40	K	T	11T4	
33	12T4	Huỳnh Phạm Phước	Thịnh	05/11/2005		6.90	K	T	11T6	
34	12T4	Ngô Thị Anh	Thơ	12/06/2005	x	8.10	K	T	11T4	
35	12T4	Huỳnh Lê Anh	Thư	04/12/2005	x	7.70	K	T	11T4	
36	12T4	Trần Hoài	Thương	11/06/2005		7.80	K	T	11T4	
37	12T4	Huỳnh Quang	Tiên	10/07/2005		7.30	K	T	11T4	
38	12T4	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	07/10/2005	x	7.70	K	T	11T4	
39	12T4	Huỳnh Nguyễn Thanh	Tú	21/07/2005	x	7.40	K	T	11T4	
40	12T4	Lương Quang	Vinh	29/06/2005		7.60	K	T	11T4	
41	12T4	Nguyễn Tuấn	Vũ	07/11/2005		7.40	K	T	11T4	
42	12T4	Bùi Thị Thanh	Vy	04/08/2005	x	7.10	K	Tb	11T6	
43	12T4	Trần Phạm Thanh	Vy	28/06/2005	x	8.60	G	T	11T4	
44	12T4	Nguyễn Quang	Vỹ	05/02/2005		8.70	G	T	11T4	
45	12T4	Đặng Như	Ý	14/06/2005	x	8.80	G	T	11T4	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T5	Phạm Nữ Trâm	Anh	27/04/2005	x	7.50	K	T	11T5	
2	12T5	Võ Thành	Đạt	16/12/2005		5.90	Tb	T	11T4	
3	12T5	Phùng Đức	Doanh	11/09/2005		7.20	Tb	T	11T5	
4	12T5	Nguyễn Duy	Đức	08/10/2005		7.00	Tb	T	11T6	
5	12T5	Nguyễn Hoàng	Duy	23/08/2005		7.30	K	T	11T5	
6	12T5	Trịnh Hoàng	Gia	08/06/2005		7.10	K	T	11T3	
7	12T5	Trần Gia	Hân	10/12/2005	x	7.90	K	T	11T5	
8	12T5	Võ Thị Thuý	Hậu	05/08/2005	x	7.10	Tb	T	11T5	
9	12T5	Nguyễn Trọng	Hiếu	04/06/2005		6.70	Tb	T	11T3	
10	12T5	Nguyễn Ngọc Xuân	Hương	14/10/2005	x	6.40	Tb	Tb	11T5	
11	12T5	Dương Thiệu	Huy	16/08/2005		7.40	K	T	11T5	
12	12T5	Trần Quang	Huy	06/12/2005		7.70	K	T	11T5	
13	12T5	Đỗ Thúy	Huyền	11/02/2005	x	7.30	K	T	11T6	
14	12T5	Hoát Thị Ngọc	Huyền	26/10/2005	x	7.10	K	K	11T3	
15	12T5	Nguyễn Phúc	Khang	26/02/2005		7.20	K	T	11T3	
16	12T5	Mỹ Duy Quốc	Khánh	11/12/2005		6.30	Tb	T	11T6	
17	12T5	Vũ Văn	Khoa	25/12/2005		7.60	K	K	11T5	
18	12T5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/08/2005	x	6.70	Tb	T	11T5	
19	12T5	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	01/09/2005	x	8.30	G	T	11T5	
20	12T5	Nguyễn Tuấn	Minh	26/10/2005		7.20	Tb	K	11T6	
21	12T5	Nguyễn Châu Ai	My	24/06/2005	x	7.20	K	T	11T4	
22	12T5	Nguyễn Đăng Mỹ	Nghi						12T6	
23	12T5	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	07/02/2005	x	6.60	Tb	T	11T5	
24	12T5	Lê Hồng Như	Ngọc	29/01/2005	x	7.70	K	T	11T5	
25	12T5	Lâm Tâm	Như	06/12/2005	x	6.20	Tb	Tb	11T6	
26	12T5	Nguyễn Minh	Như	29/06/2005	x	6.80	K	T	11T5	
27	12T5	Nguyễn Hữu Huy	Phúc	04/07/2004		6.90	Tb	T	11T6	
28	12T5	Phạm Ngọc Thảo	Phương	24/08/2005	x	7.30	K	T	11T5	
29	12T5	Trần Đăng	Phương	11/02/2004		6.50	Tb	K	11T5	
30	12T5	Hồ Quang Minh	Quân	14/08/2005		8.30	K	T	11T5	
31	12T5	Lê Tuệ	Quân	14/04/2005	x	7.20	Tb	T	11T5	
32	12T5	Trang Minh	Quốc	15/02/2005		7.10	K	T	11T4	
33	12T5	Hoàng Ngọc	Son	08/05/2005		7.60	K	T	11T5	
34	12T5	Trịnh Lê Uyên	Thy	10/11/2005	x	8.70	G	T	11T5	
35	12T5	Nguyễn Đăng	Tiên	26/03/2005		6.30	Tb	T	11T1	
36	12T5	Trần Mạnh	Toàn	26/12/2005		7.30	K	K	11T5	
37	12T5	Nguyễn Xuân	Trang	04/03/2005	x	7.60	K	T	11T5	
38	12T5	Tôn Ngọc Hà	Triều	05/05/2005		6.90	K	T	11T6	
39	12T5	Trần Huỳnh Anh	Trọng	06/09/2005		7.50	K	T	11T5	
40	12T5	Đào Thanh	Trúc	31/08/2005	x	7.20	K	T	11T4	
41	12T5	Đoàn Minh	Trường	09/04/2005		7.80	K	T	11T5	
42	12T5	Trần Minh Thái	Tú	21/08/2005		7.00	Tb	T	11T3	
43	12T5	Lê Thanh	Tuấn	30/10/2005		8.40	G	T	11T5	
44	12T5	Bùi Thế	Vinh	16/11/2005		6.70	Tb	T	11T1	
45	12T5	Hồ Ngọc Thụy	Vy	28/02/2005	x	7.30	K	T	11T5	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12T6	Huỳnh Tuấn	Anh	28/10/2005		7.10	K	T	11T5	
2	12T6	Nguyễn Bảo	Anh	21/09/2005		6.70	Tb	T	11T6	
3	12T6	Nguyễn Đoàn Ngọc	Anh	20/08/2005	x	6.50	Tb	Tb	11T6	
4	12T6	Trần Hùng	Anh	06/10/2005		7.90	K	T	11T3	
5	12T6	Vũ Hiếu	Anh	21/10/2005		6.90	K	K	11T4	
6	12T6	Bùi Tiến	Dũng	23/01/2005		7.90	K	T	11X1	
7	12T6	Nguyễn Nhật	Duy	03/06/2005		7.00	K	T	11T4	
8	12T6	Trần Lê Thảo	Hân	20/09/2005	x	8.10	K	T	11T4	
9	12T6	Nguyễn Trung	Hiếu	07/02/2004		6.90	K	T	11T4	
10	12T6	Đoàn Phi	Hùng	30/05/2005		6.90	Tb	K	11T4	
11	12T6	Huỳnh Trương	Huy	09/02/2005		7.30	K	T	11T6	
12	12T6	Trần Quang	Huy	22/07/2005		7.30	Tb	T	11T5	
13	12T6	Nguyễn Trần Ngọc	Huyền	01/10/2005	x	8.10	K	T	11T6	
14	12T6	Huỳnh Lê Bảo	Khang	14/01/2005		6.70	Tb	Tb	11T4	
15	12T6	Nguyễn Phúc Duệ	Khanh	27/11/2005	x	7.00	Tb	T	11T5	
16	12T6	Phạm Nhựt Tuấn	Khanh	24/01/2005		7.50	K	T	11T5	
17	12T6	Nguyễn Nhật	Khôi	08/12/2005		7.40	K	T	11T6	
18	12T6	Võ Thị Bạch	Kim	16/08/2005	x	7.60	K	K	11T6	
19	12T6	Lê Hoàng	Long	26/01/2005		6.60	Tb	T	11T6	
20	12T6	Lương Đỗ Thành	Minh	23/12/2005		6.90	Tb	K	11T3	
21	12T6	Nguyễn Trần Tuấn	Minh	07/07/2005		6.90	Tb	K	11T5	
22	12T6	Trần Quốc	Minh	18/03/2005		8.20	K	T	11X1	
23	12T6	Nguyễn Trần Anh	Nghĩa	04/09/2005		5.90	Tb	T	11T6	
24	12T6	Lưu Bảo	Ngọc	31/03/2005	x	8.10	G	T	11X5	
25	12T6	Võ Quang	Quân	06/12/2005		6.40	Tb	T	11T6	
26	12T6	Nguyễn Hồng	Quyên	24/09/2005		7.60	K	T	11T6	
27	12T6	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/04/2005	x	6.90	Tb	Tb	11T5	
28	12T6	Nguyễn Tấn	Tài	23/03/2005		7.40	K	K	11T3	
29	12T6	Huỳnh Dương Thanh	Tâm	15/06/2005		5.90	Tb	K	11T4	
30	12T6	Nguyễn Phước	Tân	15/05/2005		8.30	K	T	11T3	
31	12T6	Võ Minh	Thái	26/07/2005		6.90	Tb	Tb	11T5	
32	12T6	Nguyễn	Thiệt	19/09/2005		7.70	K	T	11T4	
33	12T6	Hoàng Mai Anh	Thơ	13/08/2005	x	6.10	Tb	Tb	11T5	
34	12T6	Đỗ Ngọc Anh	Thư	16/03/2005	x	8.20	K	T	11T6	
35	12T6	Trương Tấn	Thuận	10/05/2005		7.00	K	T	11T4	
36	12T6	Nguyễn Thị Thu	Thủy	28/10/2005	x	7.70	K	T	11T6	
37	12T6	Nguyễn Lê Minh	Toàn	17/02/2005		7.00	K	T	11T3	
38	12T6	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	05/03/2005	x	6.90	Tb	Tb	11T5	
39	12T6	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	17/10/2005	x	8.40	K	T	11X1	
40	12T6	Võ Thị Mai	Trình	03/08/2005	x	6.90	Tb	K	11T4	
41	12T6	Châu Phan	Trường	11/12/2005		7.10	K	T	11T4	
42	12T6	Kiều Công	Vinh	07/01/2005		6.80	Tb	K	11T6	
43	12T6	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	29/11/2005	x	7.30	K	T	11T3	
44	12T6	Trần Lâm Như	Ý	03/10/2005	x	6.90	K	T	11T5	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12X1	Phạm Mai	Anh	12/09/2002	x	7.90	K	T	11X1	
2	12X1	Nguyễn Phạm Chí	Bảo	19/10/2005		7.50	K	T	11X1	
3	12X1	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	29/05/2005	x	7.70	K	T	11X1	
4	12X1	Vũ Nguyễn Minh	Châu	18/02/2005		8.00	K	T	11X1	
5	12X1	Nguyễn Thùy	Dương	25/03/2005	x	9.00	G	T	11X1	
6	12X1	Đặng Thị Mai	Hiên	08/06/2005	x	8.10	K	T	11X1	
7	12X1	Phạm Nguyễn Kim	Hiên	15/02/2005	x	7.40	K	T	11T5	
8	12X1	Trần Nam	Hoà	05/08/2005		8.00	K	T	11X1	
9	12X1	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	12/04/2005		8.20	K	T	11X1	
10	12X1	Nguyễn Quang	Huy	23/04/2005		7.10	Tb	T	11X1	
11	12X1	Trịnh Hoàng	Huy	16/12/2005		7.00	Tb	T	11X1	
12	12X1	Nguyễn Hà Tuấn	Kiệt	22/10/2005		7.70	K	T	11X1	
13	12X1	Dương Nguyễn Hoàng	Lâm	26/11/2005		7.20	K	T	11X1	
14	12X1	Cô Thùy	Linh	15/08/2005	x	7.80	K	T	11X1	
15	12X1	Võ Khánh	Linh	15/10/2005	x	7.80	K	T	11T6	
16	12X1	Nguyễn Mai Công	Minh	14/12/2005		6.70	Tb	T	11X1	
17	12X1	Phạm Lê Bình	Minh	27/07/2005	x	8.30	G	T	11X1	
18	12X1	Nguyễn Trường Hà	My	08/11/2005	x	8.20	K	T	11X1	
19	12X1	Hòa Ngọc Xuân	Ngân	05/02/2005	x	7.70	K	T	11X1	
20	12X1	Nghiêm Ngọc Kim	Nguyên	23/01/2005	x	6.60	Tb	T	11X1	
21	12X1	Nguyễn Huy	Nguyên	23/09/2005		7.20	Tb	K	11T3	
22	12X1	Phùng Hoàng Yên	Nhi	13/05/2005	x	7.40	K	T	11T3	
23	12X1	Trần Hoàng Khương	Nhi	08/12/2005	x	8.10	K	T	11X1	
24	12X1	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	25/06/2005	x	7.30	Tb	T	11X1	
25	12X1	Lê Hà Hồng	Phúc	15/03/2005	x	8.40	G	T	11X1	
26	12X1	Đặng Nguyễn Kiến	Quốc	10/07/2005		7.50	K	T	11X1	
27	12X1	Hoàng Nhật	Quỳnh	18/01/2005	x	7.90	K	T	11X1	
28	12X1	Nguyễn Trúc	Quỳnh	11/04/2005	x	8.50	G	T	11X1	
29	12X1	Nguyễn Tú	Quỳnh	15/12/2005	x	7.80	K	T	11T6	
30	12X1	Nguyễn Phạm Tuấn	Sĩ	02/08/2005		7.20	K	T	11X1	
31	12X1	Trần Văn	Tài	30/04/2005		7.60	K	T	11X1	
32	12X1	Hoàng Thành	Tâm	18/04/2005		6.50	Tb	T	11X1	
33	12X1	Cam Ngọc	Tân	02/11/2005		8.00	K	T	11X1	
34	12X1	Đặng Anh	Thư	24/11/2005	x	8.10	K	Tb	11T1	
35	12X1	Đỗ Ngọc Anh	Thư	23/10/2005	x	7.90	K	T	11X1	
36	12X1	Nguyễn Thị Anh	Thư	27/05/2005	x	8.60	G	T	11T1	
37	12X1	Trần Hữu	Tính	12/08/2005		8.70	G	T	11X1	
38	12X1	Dương Bảo	Trân	29/12/2005	x	7.80	K	T	11X1	
39	12X1	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	27/06/2005	x	7.90	K	T	11X1	
40	12X1	Nguyễn Huỳnh Minh	Trung	05/01/2005		8.20	K	T	11X1	
41	12X1	Dương Minh	Tú	31/01/2005	x	8.70	G	T	11X1	
42	12X1	Nguyễn Huỳnh Hạ	Vy	26/01/2005	x	7.90	K	T	11X1	
43	12X1	Trương Hải	Vy	01/06/2005	x	7.80	K	T	11X1	
44	12X1	Trương Ngọc Tường	Vy	23/08/2005	x	7.20	Tb	T	11T6	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiên

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12X2	Lương Nguyễn Hoài	An	15/07/2004	x	6.60	Tb	K	11T6	
2	12X2	Trần Võ Đức	An	02/03/2005		6.10	Tb	T	11T6	
3	12X2	Văn Ngọc Hồng	Ân	16/10/2004	x	6.70	Tb	T	11X2	
4	12X2	Nguyễn Thị Trâm	Anh	22/11/2005	x	8.00	K	T	11X3	
5	12X2	Võ Trần Tiên	Đạt	02/12/2005		7.80	K	T	11X2	
6	12X2	Phạm Hoàng	Dương	18/09/2005		6.50	Tb	T	11X2	
7	12X2	Võ Anh	Duy	02/07/2005		7.00	Tb	T	11T3	
8	12X2	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/09/2005	x	7.00	Tb	T	11X2	
9	12X2	Nguyễn Kim	Hiên	09/02/2005	x	7.50	K	T	11X2	
10	12X2	Hồ Hoàng	Hiệp	22/08/2005		8.20	K	K	11X2	
11	12X2	Nguyễn Hữu	Hiếu	17/01/2005		7.70	K	T	11X2	
12	12X2	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	01/04/2005	x	8.30	K	T	11X2	
13	12X2	Lê Nguyễn Thanh	Hòa	11/06/2005	x	7.30	K	T	11X2	
14	12X2	Nguyễn Thị	Hồng	28/05/2005	x	8.40	G	T	11X2	
15	12X2	Võ Thị Thu	Huệ	04/12/2005	x	7.00	K	T	11T6	
16	12X2	Nguyễn Thị Yến	Hương	13/10/2005	x	7.90	K	T	11X2	
17	12X2	Bùi Nhật	Huy	25/03/2005		6.80	Tb	T	11T2	
18	12X2	Lâm Chân	Khang	15/02/2005		6.40	Tb	K	11X2	
19	12X2	Nguyễn Hữu	Khôi	14/07/2005		7.20	K	K	11X2	
20	12X2	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	23/10/2004	x	6.50	Tb	Tb	11X2	
21	12X2	Hoàng Yên	Linh	04/10/2003	x	5.40	Tb	T	11X2	
22	12X2	Nguyễn Khánh	Linh	05/11/2005	x	7.20	Tb	K	11X2	
23	12X2	Trần Thị	Linh	18/04/2005	x	8.10	K	T	11X2	
24	12X2	Nguyễn Hoàng Phi	Long	26/11/2005		7.00	Tb	T	11X2	
25	12X2	Huỳnh Hoài	Nam	11/05/2005		8.40	G	T	11X2	
26	12X2	Dương Kim	Ngân	27/07/2005	x	7.40	K	T	11X2	
27	12X2	Trần Anh	Ngân	09/06/2005	x	6.60	Tb	K	11X2	
28	12X2	Trần Thu Minh	Ngọc	11/08/2004	x	5.80	Tb	T	11X2	
29	12X2	Trần Bảo	Nhi	20/10/2005	x	7.40	K	T	11X2	
30	12X2	Bùi Kha Ngọc	Phương	06/05/2005	x	7.50	Tb	T	11X2	
31	12X2	Nguyễn Lê Ngọc	Phương	25/03/2005	x	8.00	K	T	11X2	
32	12X2	Tạ Nguyễn Bảo	Quỳnh	24/06/2005	x	7.20	K	T	11X2	
33	12X2	Trần Thị	Thảo	29/12/2005	x	7.20	Tb	T	11X2	
34	12X2	Lê Huỳnh	Thiệu	20/05/2005		7.90	K	T	11X2	
35	12X2	Huỳnh Ngọc Anh	Thy	30/07/2005	x	7.70	K	T	11X2	
36	12X2	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	04/09/2004	x	7.10	K	K	11X2	
37	12X2	Võ Thị Mỹ	Trân	12/04/2005	x	7.60	K	T	11X2	
38	12X2	Lê Kế	Từ	28/01/2005		7.60	K	T	11X2	
39	12X2	Trần Ngọc Thanh	Tùng	25/02/2005		6.80	Tb	T	11X2	
40	12X2	Phan Thanh	Uyên	14/08/2005	x	7.50	Tb	T	11X2	
41	12X2	Nguyễn Thị Hồng	Vy	04/10/2005	x	7.90	K	K	11X2	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12X3	Lê Thuý	An	14/03/2005	x	8.10	K	T	11X3	
2	12X3	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/11/2004	x	6.70	Tb	T	11X3	
3	12X3	Trần Huy	Bình	08/01/2005		8.60	G	T	11X3	
4	12X3	Phạm Ngọc Kim	Cương	06/06/2004	x	6.00	Tb	K	11X3	
5	12X3	Phan Khánh	Đan	21/11/2005	x	6.20	Tb	T	11X3	
6	12X3	Đỗ Thị Minh	Hà	20/09/2005	x	7.20	K	T	11X3	
7	12X3	Nguyễn Ngọc	Hân	07/12/2005	x	6.80	Tb	K	11X3	
8	12X3	Ngô Minh	Hiếu	15/10/2005		7.70	K	T	11X3	
9	12X3	Khiếu Quang	Huy	25/07/2005		6.30	Tb	T	11X3	
10	12X3	Phan Anh	Huy	16/04/2005		5.80	Tb	T	11X3	
11	12X3	Trần Võ Phương	Huyền	13/02/2005	x	8.30	K	T	11X3	
12	12X3	Vũ Minh	Khôi	23/04/2005		7.80	K	T	11X3	
13	12X3	Nguyễn Ngọc Hoàng	Kim	13/09/2005	x	6.30	Tb	K	11X3	
14	12X3	Phạm Lê Gia	Kỳ							
15	12X3	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	12/01/2005	x	6.30	Tb	T	11X3	
16	12X3	Đặng Thị Ánh	Linh	16/02/2005	x	7.40	Tb	T	11X3	
17	12X3	Ngô Phương	Linh	06/11/2005	x	7.20	K	T	11X3	
18	12X3	Trần Phúc Mỹ	Linh	09/05/2005	x	8.20	K	T	11X3	
19	12X3	Nguyễn Ngọc	Long	16/05/2005		7.10	K	T	11X3	
20	12X3	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	21/07/2005	x	7.30	K	T	11X3	
21	12X3	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/11/2004	x	6.80	Tb	K	11X3	
22	12X3	Trần Thị Kim	Ngân	02/06/2005	x	7.50	K	K	11X3	
23	12X3	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	22/11/2004	x	6.00	Tb	T	11X3	
24	12X3	Nguyễn Khôi	Nguyên	06/06/2005		7.80	K	T	11X3	
25	12X3	Trần Lý Nhã	Nguyên	21/03/2005	x	7.70	K	T	11X3	
26	12X3	Trần Ngọc Thảo	Nhi	15/04/2005	x	7.80	K	T	11X4	
27	12X3	Chu Hoàng	Phú	02/03/2005		6.50	K	T	11X3	
28	12X3	Nguyễn Hoàng	Phúc	29/05/2005		8.30	K	T	11X3	
29	12X3	Cao Thị Ngọc	Sang	13/10/2005	x	8.10	G	T	11X3	
30	12X3	Mai Diệp Thanh	Son	25/09/2005		7.80	K	T	11X3	
31	12X3	Tu Do Thuận	Thiên	02/02/2005		6.60	Tb	K	11X3	
32	12X3	Huỳnh Anh	Thư	06/09/2005	x	7.90	K	T	11X3	
33	12X3	Phan Huỳnh Ngọc	Tiên	05/01/2005	x	7.10	Tb	T	11X1	
34	12X3	Nguyễn Thị Quê	Trân	05/03/2005	x	7.40	Tb	T	11X3	
35	12X3	Huỳnh Minh	Trí	21/12/2005		7.70	K	T	11X3	
36	12X3	Trần Minh	Triệu	08/09/2005		8.40	G	T	11X3	
37	12X3	Đặng Trần Hữu	Trọng	10/02/2004		6.10	Tb	K	11X3	
38	12X3	Huỳnh Thanh	Tuyền	29/06/2005	x	6.00	Tb	K	11X3	
39	12X3	Nguyễn Thị Xuân	Uyên	14/04/2005	x	7.30	K	T	11X3	
40	12X3	Phạm Phương	Uyên	24/02/2005	x	7.00	Tb	K	11X3	
41	12X3	Phan Thị Hoàng	Vân	05/12/2005	x	8.30	K	T	11X3	
42	12X3	Lê Võ Hoàng	Vy	29/11/2005	x	6.20	Tb	T	11X3	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiến

Nguyễn Tấn Tài

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT THỦ THIÊM

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12X4	Đinh Thị Tú	Anh	09/11/2005	x	8.10	G	T	11X4	
2	12X4	Lý Thành	Công	25/04/2005		8.20	G	T	11X4	
3	12X4	Nguyễn Quốc	Cường	11/11/2005		6.30	Tb	K	11X4	
4	12X4	Thái Thùy	Đan	02/12/2005	x	7.20	K	K	11X4	
5	12X4	Nguyễn Thành	Danh	01/01/2005		8.00	K	T	11X4	
6	12X4	Nguyễn Thành	Đạt	03/11/2005		6.70	Tb	K	11T3	
7	12X4	Nguyễn Đức	Duy	30/12/2005		6.30	Tb	K	11X4	
8	12X4	Nguyễn Hồng Anh	Duy	21/04/2004		6.10	Tb	T	11X4	
9	12X4	Đinh Ngọc	Giàu	23/06/2005	x	8.00	K	K	11X4	
10	12X4	Hồ Ngọc	Hân	03/04/2005	x	7.50	K	T	11X4	
11	12X4	Nguyễn Khả	Hân	26/08/2005	x	7.30	K	T	11X4	
12	12X4	Thị Ngọc	Hân	04/11/2005	x	7.20	Tb	K	11X4	
13	12X4	Lâm Thị Ngọc	Hiền	28/02/2005	x	6.60	Tb	T	11X4	
14	12X4	Đào Thị	Hoa	18/06/2005	x	7.40	K	T	11X4	
15	12X4	Nguyễn Minh	Hoàng						12T6	
16	12X4	Phạm Ngọc Bảo	Khanh	07/12/2005	x	8.50	G	T	11X4	
17	12X4	Lê Văn	Khánh	22/07/2004		6.60	Tb	K	11X4	
18	12X4	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	04/06/2005	x	7.60	K	T	11X4	
19	12X4	Nguyễn Thị Kiều	My	29/01/2005	x	7.00	Tb	T	11X4	
20	12X4	Đặng Trần	Nam	23/02/2005		6.70	Tb	T	11X4	
21	12X4	Dương Thúy	Nga	10/07/2005	x	8.00	K	T	11X4	
22	12X4	Trần Thị Kim	Ngân	29/01/2005	x	7.50	K	T	11X3	
23	12X4	Trương Thị Kim	Ngân	17/11/2005	x	7.40	K	T	11X4	
24	12X4	Lê Hoàng Thanh	Nhã	18/05/2005	x	7.00	Tb	T	11X4	
25	12X4	Lý Thị Yên	Nhi	26/11/2005	x	7.00	Tb	K	11X4	
26	12X4	Vũ Đỗ Phương	Nhi	28/03/2005	x	7.10	K	T	11X4	
27	12X4	Đoàn Trọng	Phan	24/12/2005		5.60	Tb	T	11X4	
28	12X4	Bạch Vân	Phụng	06/06/2005	x	6.60	Tb	K	11X4	
29	12X4	Nguyễn Ngọc	Phụng	08/07/2005	x	7.40	K	T	11X4	
30	12X4	Đinh Ngọc	Phước	09/11/2005		8.20	K	T	11X4	
31	12X4	Nguyễn Minh	Quân	18/05/2005		8.20	G	T	11X4	
32	12X4	Nguyễn Tổng Thanh	Tâm	28/12/2005	x	7.40	K	K	11X4	
33	12X4	Đỗ Đức	Thắng	09/12/2004		8.10	K	T	11X4	
34	12X4	Nguyễn Hoàng Công	Thành	26/12/2005		7.80	K	T	11X4	
35	12X4	Đặng Hoàng	Thọ	19/01/2005		7.10	K	T	11X4	
36	12X4	Huỳnh Minh	Thư	06/09/2005	x	8.00	K	T	11X4	
37	12X4	Nguyễn Phúc Minh	Thư	30/09/2005	x	6.20	Tb	K	11X4	
38	12X4	Bùi Đoan	Thục	24/11/2005	x	7.80	K	K	11X4	
39	12X4	Lê Kim	Toàn	19/03/2005		7.70	K	K	11X4	
40	12X4	Dương Huỳnh Bích	Trâm	26/08/2005	x	6.70	Tb	T	11X4	
41	12X4	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	16/04/2005	x	6.50	Tb	K	11X4	
42	12X4	Trần Ngọc Bích	Tuyền	23/11/2004	x	6.80	Tb	K	11X4	
43	12X4	Lê Yên	Vy	17/05/2005	x	7.40	K	T	11X4	
44	12X4	Nguyễn Bá Tường	Vy	11/11/2005	x	7.70	K	T	11X4	
45	12X4	Nguyễn Cẩm	Xuân	11/12/2005	x	7.10	K	T	11X4	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiễn

Nguyễn Tấn Tài

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	Lớp mới	Họ Tên		Ngày Sinh	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Lớp cũ	Ghi chú
1	12X5	Trần Phương	Anh	27/11/2005	x	6.80	Tb	T	11X5	
2	12X5	Hồ Hoàng	Bảo	25/05/2005		7.00	Tb	Tb	11X5	
3	12X5	Trần Vũ Minh	Đặng	03/03/2005		7.00	K	K	11X5	
4	12X5	Lê Anh	Đào	31/05/2005	x	7.80	K	T	11X5	
5	12X5	Nguyễn Thành	Đạt	31/12/2004		6.30	Tb	T	11X5	
6	12X5	Nguyễn Hiếu Hiền	Diệu	31/08/2005	x	7.00	K	K	11X5	
7	12X5	Nguyễn Văn	Đình	07/12/2004		6.10	Tb	Tb	11X5	
8	12X5	Trần Thị Phương	Dung	20/09/2005	x	7.20	K	T	11X5	
9	12X5	Đường Nguyễn Minh	Hà	20/09/2005	x	8.60	G	T	11X5	
10	12X5	Trần Thị Mỹ	Hằng	01/12/2005	x	8.20	K	K	11X5	
11	12X5	Nguyễn Minh	Hoàng	02/10/2005		6.00	Tb	Tb	11T3	
12	12X5	Võ Thị Ngọc	Hồng	16/02/2005	x	7.70	K	T	11X5	
13	12X5	Hà Khắc	Huy	02/01/2005		7.00	Tb	T	11X5	
14	12X5	Nguyễn	Huy	11/11/2005		6.10	Tb	Tb	11X5	
15	12X5	Vũ Đức Minh	Huyền	06/09/2005	x	7.10	K	K	11X5	
16	12X5	Nguyễn Đức	Khoa	08/12/2005		6.20	Tb	Tb	11X5	
17	12X5	Nguyễn Huỳnh Anh	Kiệt	19/08/2005		6.50	Tb	K	11X5	
18	12X5	Vũ Tùng	Lâm	31/08/2005		7.50	K	K	11X5	
19	12X5	Võ Tiến	Lộc	12/07/2005		7.30	K	T	11X5	
20	12X5	Trần Ngọc Thảo	Ly	26/01/2005	x	6.70	Tb	K	11X5	
21	12X5	Hà Thoại	My	11/12/2005	x	7.50	K	T	11X5	
22	12X5	Trần Bá Nhật	Nam	22/02/2005		8.30	G	T	11X5	
23	12X5	Lê Trần Yên	Nhi	07/11/2005	x	6.20	Tb	K	11X5	
24	12X5	Trang Hoài	Phong	23/01/2005		5.70	Tb	Tb	11X5	
25	12X5	Nguyễn Hà	Phương	03/06/2005	x	7.70	K	Tb	11X5	
26	12X5	Bùi Đức Anh	Quân	12/12/2005		6.70	Tb	K	11X5	
27	12X5	Trần Anh	Quân	19/09/2005		6.40	Tb	T	11X5	
28	12X5	Phạm Trường	Sinh	14/12/2005		7.20	K	K	11X5	
29	12X5	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tâm	05/03/2005	x	6.10	Tb	Tb	11X5	
30	12X5	Phạm Nguyễn Quang	Tâm	21/08/2005		6.90	Tb	T	11X5	
31	12X5	Phạm Hoàng Phương	Thảo	15/01/2005	x	7.40	K	Tb	11X5	
32	12X5	Phạm Thanh	Thảo	22/04/2005	x	7.50	K	T	11X5	
33	12X5	Lê Văn	Thoan	09/07/2003		6.70	Tb	T	11X5	
34	12X5	Phạm Hoài	Thương	25/03/2005	x	6.50	Tb	K	11X5	
35	12X5	Võ Ngọc	Trang	10/06/2005	x	6.50	Tb	K	11X5	
36	12X5	Phạm Thanh	Trúc	18/11/2004	x	8.30	G	T	11X4	
37	12X5	Đình Quốc	Trung	31/05/2005		7.00	Tb	K	11X5	
38	12X5	Vũ Phạm Thanh	Trung	19/09/2005		8.00	K	T	11X5	
39	12X5	Nguyễn Quang	Vinh	22/07/2005		6.70	Tb	T	11X5	
40	12X5	Phan Phúc	Vinh	15/06/2005		6.30	Tb	K	11T6	

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Phan Lâm Hiền

Nguyễn Tấn Tài